



## THỰC TRẠNG LAO ĐỘNG VÀ VIỆC LÀM NÔNG THÔN VIỆT NAM

Dương Ngọc Thành<sup>1</sup> và Nguyễn Minh Hiếu<sup>2</sup>

<sup>1</sup> Viện Nghiên cứu Phát triển Đồng bằng Sông Cửu Long, Trường Đại học Cần Thơ

<sup>2</sup> Cao học Kinh tế Nông nghiệp, Khoa Kinh tế & Quản trị Kinh doanh, Trường Đại học Cần Thơ

### Thông tin chung:

Ngày nhận: 18/10/2013

Ngày chấp nhận: 26/02/2014

### Title:

Statue of labor and employment in rural Vietnam

### Từ khóa:

Lao động nông thôn, việc làm, thất nghiệp

### Keywords:

Rural labor, employment, unemployment

### ABSTRACT

The study is aimed to give proper awareness and the effective use of labor and employment issues in rural areas. Methods of analysis and synthesis of secondary data sources (documents research) were applied. The research results show that: (1) rural labor is involved in all production activities in the sectors of agriculture, industry and; (2) employment is all kind of activities generating incomes not prohibited by law; (3) in 2012, the number of employees in the working age accounted for 61.5% of population, of which 16.7% was trained and 1.5% was underemployed; (4) factors affecting employment include population and population structure, advances in science and technology, natural resources, vocational training, and job creation policies.

### TÓM TẮT

Nghiên cứu nhằm mục đích đưa ra nhận thức đúng đắn và sự vận dụng có hiệu quả những vấn đề lao động và việc làm nông thôn. Phương pháp phân tích và tổng hợp tài liệu được ứng dụng trong nghiên cứu này, nhằm đáp ứng được mục tiêu nghiên cứu, trên cơ sở các nguồn số liệu thứ cấp. Kết quả nghiên cứu cho thấy rằng; (1) lao động nông thôn là toàn bộ những hoạt động lao động sản xuất tạo ra của cải vật chất của những người lao động nông thôn, bao gồm lao động trong các ngành nông nghiệp, công nghiệp nông thôn, dịch vụ nông thôn; (2) việc làm là mọi hoạt động tạo ra nguồn thu nhập không bị pháp luật nghiêm cấm; (3) Năm 2012, số lao động trong độ tuổi lao động chiếm 61,5%, đã qua đào tạo nghề là 16,7% và thiếu việc làm là 1,5%; (4) các nhân tố ảnh hưởng đến lao động việc làm bao gồm: dân số và cơ cấu dân số, tiến bộ khoa học kỹ thuật, nguồn tài nguyên thiên nhiên, đào tạo nghề, chính sách giải quyết việc làm.

### 1 GIỚI THIỆU CHUNG

Lao động là vốn quý, là yếu tố cơ bản quyết định sự tồn tại và phát triển của mọi hình thức kinh tế xã hội, chính vì lẽ đó Đảng và Nhà nước ta luôn đặt vấn đề về dân số, lao động, việc làm vào vị trí hàng đầu trong các chính sách kinh tế xã hội. Chính sách đó được thể hiện trong việc hoạch định các chiến lược phát triển kinh tế xã hội của đất nước, đặt con người và việc làm là vị trí trung tâm

lấy lợi ích của con người làm điểm xuất phát của mọi chương trình kế hoạch phát triển.

Con người vừa là mục tiêu vừa là động lực của sự phát triển kinh tế xã hội. Song con người chỉ trở thành động lực cho sự phát triển khi và chỉ khi họ có điều kiện đã sử dụng sức lao động của họ để tạo ra của cải vật chất, tinh thần cho xã hội. Quá trình kết hợp sức lao động và điều kiện sản xuất là quá trình người lao động làm việc hay nói cách khác

hoạch là khi họ có được việc làm. Trong công cuộc đổi mới nước ta hiện nay, vấn đề thất nghiệp và các chính sách giải quyết việc làm đang là vấn đề nóng bỏng “và không kém phần bức bách” đang được toàn xã hội đặc biệt quan tâm. Đất nước ta đang trong quá trình chuyển sang kinh tế phát triển, chúng ta đang từng bước đổi mới, nhằm nâng cao đời sống vật chất, tinh thần cho nhân dân, kinh tế vĩ mô đã vạch rõ những vấn đề phát sinh trong đó thể hiện ở những vấn đề: lao động, việc làm,... Tuy nhiên, nội dung nghiên cứu này chỉ đi vào nghiên cứu vấn đề **thực trạng lao động và việc làm nông thôn Việt Nam** hiện nay.

Nội dung nghiên cứu này nhằm mục đích đưa ra nhận thức đúng đắn và sự vận dụng có hiệu quả những vấn đề lao động và việc làm. Việc nhận thức và vận dụng đúng đắn vấn đề này giúp ta giải quyết được những thực trạng lao động và việc làm này. Đồng thời nó còn giải quyết được nhiều vấn đề xã hội khác.

## 2 PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

### 2.1 Phương pháp thu thập số liệu

Số liệu được thu thập qua mạng internet, tạp chí khoa học, niên giám thống kê năm 2013 của tổng cục thống kê, thảo luận chuyên gia,...

### 2.2 Phương pháp phân tích số liệu

Sử dụng kỹ thuật phân tích số tuyệt đối, số tương đối, số bình quân, phương pháp so sánh và xác định các nhân tố ảnh hưởng đến thu nhập và việc làm của lao động, phân tích các vấn đề kinh tế xã hội và các vấn đề có liên quan khác nhằm đáp ứng mục đích nghiên cứu đã đề ra.

## 3 KẾT QUẢ VÀ THẢO LUẬN

### 3.1 Khái niệm, đặc điểm về lao động nông thôn

#### 3.1.1 Khái niệm về lao động nông thôn

Lao động là hoạt động có ý thức của con người, đó là quá trình con người sử dụng công cụ lao động tác động lên đối tượng lao động cải biến nó tạo ra sản phẩm để thỏa mãn nhu cầu của mình và xã hội.

Lao động nông thôn là toàn bộ những hoạt động lao động sản xuất tạo ra của cải vật chất của những người lao động nông thôn. Do đó, lao động nông thôn bao gồm: lao động trong các ngành nông nghiệp, công nghiệp nông thôn, dịch vụ nông thôn...

#### 3.1.2 Đặc điểm của lao động nông thôn

Cơ cấu lao động làm nông nghiệp chiếm đến 90% lao động nông thôn do đó mà đặc điểm của

nguồn lao động nông thôn cũng tương đồng với đặc điểm của lao động trong sản xuất nông nghiệp.

#### Đặc điểm của lao động nông thôn:

*Thứ nhất:* Là mang tính chất thời vụ cao và không thể xóa bỏ được tính chất này. Sản xuất nông nghiệp luôn chịu tác động và bị chi phối mạnh mẽ bởi các qui luật sinh học và điều kiện tự nhiên của từng vùng (khí hậu, đất đai,...). Do đó, quá trình sản xuất mang tính thời vụ cao, thu hút lao động không đồng đều. Chính vì tính chất này đã làm cho việc sử dụng lao động ở các vùng nông thôn trở nên phức tạp hơn.

*Thứ hai:* Lao động nông thôn rất dồi dào và đa dạng về độ tuổi và có thích ứng lớn. Do đó, việc huy động và sử dụng đầy đủ nguồn lực lao động có ý nghĩa rất quan trọng và phức tạp, đòi hỏi phải có biện pháp tổ chức quản lý lao động tốt để tăng cường lực lượng lao động cho sản xuất nông nghiệp.

*Thứ ba:* Lao động nông thôn đa dạng, ít chuyên sâu, trình độ thấp. Sản xuất nông nghiệp có nhiều việc gồm các khâu với các tính chất khác nhau. Hơn nữa mức độ áp dụng máy móc thiết bị vào sản xuất còn thấp vì thế mà sản xuất nông nghiệp chỉ đòi hỏi về sức khỏe, sự lành nghề và kinh nghiệm. Mỗi lao động có thể đảm nhận nhiều công việc khác nhau nên lao động nông thôn ít chuyên sâu hơn lao động trong các ngành công nghiệp và một số ngành khác. Bên cạnh đó, phần lớn lao động nông nghiệp mang tính phổ thông, ít được đào tạo, sản xuất chủ yếu phụ thuộc vào kinh nghiệm và sức khỏe, tổ chức lao động đơn giản, công cụ lao động cũng thô sơ mang tính tự chế cao. Lực lượng chuyên sâu, lành nghề, lao động chất xám không đáng kể, phân bố lao động không đồng đều, vì vậy mà hiệu suất lao động thấp, khó khăn trong việc tiếp thu công nghệ hiện đại vào sản xuất.

Nghiên cứu và tìm hiểu đầy đủ các tính chất của lao động nông thôn từ đó có thể tìm ra những biện pháp sử dụng tốt nhất nguồn lao động trong nông nghiệp nói riêng và nông thôn nói chung.

### 3.2 Việc làm

Việc làm là một trong những vấn đề cơ bản nhất của mọi quốc gia nhằm góp phần đảm bảo an toàn, ổn định và phát triển xã hội. Hội nghị thượng đỉnh Copenhagen tháng 3 năm 1995 tại Đan Mạch coi việc mở rộng việc làm là một trong những nội dung cơ bản nhất trong chiến lược phát triển kinh tế xã hội của các nước trên thế giới.

Theo điều 13 của nước CHXHCN Việt Nam năm 1994 ghi: “Mọi hoạt động tạo ra nguồn thu nhập không bị pháp luật nghiêm cấm được coi là việc làm”.

Với khái niệm trên, các hoạt động được xác định là việc làm bao gồm:

- Làm những công việc được trả công dưới dạng tiền hoặc hiện vật.
- Những công việc tự làm để mang lại lợi ích cho bản thân hoặc tạo ra thu nhập cho gia đình mình nhưng không được trả công cho công việc đó.

Quan niệm này sẽ làm cho nội dung của việc làm được mở rộng và tạo khả năng to lớn để giải phóng tiềm năng lao động, giải quyết việc làm cho người lao động.

Theo quan niệm của tổ chức lao động quốc tế (ILO), người có việc làm là người làm trong các lĩnh vực, ngành nghề, dạng hoạt động có ích, không bị pháp luật ngăn cấm, đem lại thu nhập để nuôi sống bản thân và gia đình, đồng thời đóng góp một phần cho xã hội. Như vậy, để có việc làm không chỉ vào cơ quan nhà nước, trong các doanh nghiệp thuộc các thành phần kinh tế, mà còn ngay tại gia đình do chính người lao động tạo ra để có thu nhập. Nói chung, bất cứ nghề nào cần thiết cho xã hội mang lại thu nhập cho người lao động và không bị pháp luật nghiêm cấm thì đó là việc làm. Nó không hạn chế mặt không gian, ở đây người lao động được tự do hoạt động liên doanh, liên kết, tự do thuê mướn lao động, theo pháp luật và sự hướng dẫn của nhà nước để tạo việc làm cho mình và thu hút thêm lao động xã hội theo quan hệ cung cầu trên thị trường lao động.

Tạo việc làm theo nghĩa rộng bao gồm những vấn đề liên quan đến việc phát triển và sử dụng có hiệu quả nguồn lao động. Quá trình đó diễn ra từ giáo dục, đào tạo và phổ cập nghề nghiệp, trang thiết bị cho người lao động về trình độ chuyên môn, tay nghề để có thể tạo ra và hưởng thụ những giá trị lao động mà mình tạo ra.

Tạo việc làm theo nghĩa hẹp chủ yếu chuyên vào đối tượng thất nghiệp, chưa có việc làm hoặc thiếu việc làm nhằm tạo thêm việc làm cho người lao động duy trì tỉ lệ thất nghiệp ở mức thấp.

Người có việc làm:

- Người có việc làm bao gồm những người từ 15 tuổi trở lên trong nhóm dân số hoạt động kinh tế mà trong một tuần lễ trước điều tra.
- Đang làm việc để nhận tiền lương, tiền công hoặc lợi nhuận bằng tiền hay hiện vật.

- Đang làm những công việc sản xuất kinh doanh của gia đình mình để thu lợi nhuận nhưng không được trả công cho công việc đó.

- Đã có việc làm trước đó nhưng đang trong thời gian nghỉ đã được sự cho phép của nhà quản lí và sẽ trở lại làm việc sau thời gian nghỉ phép.

Căn cứ vào thời gian làm việc của người được coi là có việc làm thì có thể phân loại như sau:

- *Người đủ việc làm:* là những người có điều kiện sử dụng hết thời gian lao động theo quy định. Trong thống kê lao động-việc làm ở Việt Nam thì những người có đủ việc làm bao gồm những người có số giờ làm việc trong tuần lễ tính đến thời điểm điều tra lớn hơn hoặc bằng 40 h hoặc những người có số giờ làm việc nhỏ hơn 40 h nhưng lớn hơn hoặc bằng giờ quy định đối với những người làm công việc nặng nhẹ, độc hại theo quy định hiện hành. Số giờ quy định trên có thể thay đổi theo từng năm học hoặc từng thời kỳ.

- *Người thiếu việc làm:* Bao gồm những người mà tại thời điểm điều tra không sử dụng hết thời gian lao động quy định và nhận được thu nhập từ công việc khiến họ có nhu cầu làm thêm.

- *Người bán thời gian:* Đây là hiện tượng thường thấy ở lao động nông thôn làm việc mùa vụ, lao động ở khu vực thành thị không chính thức, lao động ở các cơ sở sản xuất kinh doanh đang gặp khó khăn, lao động nhà nước dôi dư.

- *Người thất nghiệp:* Là những người trong độ tuổi lao động, có sức lao động nhưng chưa có việc làm, đang có nhu cầu làm việc nhưng chưa có việc làm.

Đối lập với việc làm, thất nghiệp là tình trạng có tính quy luật của nền kinh tế thị trường. Có nhiều quan niệm khác nhau về thất nghiệp. Theo tổ chức lao động quốc tế ILO, thất nghiệp là tình trạng tồn tại của những người lao động muốn có việc làm nhưng không tìm được việc làm vì những lý do ngoài ý muốn của họ, do đó không có thu nhập. Như vậy, thất nghiệp là những người có khả năng lao động, có nhu cầu lao động nhưng hiện tại không có việc làm, đang tích cực tìm việc hoặc đang chờ đợi trở lại làm việc.

Thực tế ở nước ta trong quá trình chuyển sang cơ chế thị trường, giải quyết tình trạng thất nghiệp luôn là vấn đề bức thiết. Dưới giác độ chính sách việc làm, để hạn chế thất nghiệp, chúng ta vừa phải tạo ra nhiều việc làm mới vừa phải tránh tình trạng người lao động đứng trước nguy cơ mất việc làm.

Chính phủ cần có chính sách hỗ trợ, trợ cấp cho người bị thất nghiệp.

*Dân số không hoạt động kinh tế:* Đó là gồm những người có độ tuổi từ 15 tuổi trở lên, họ không tham gia hoạt động kinh tế là bởi vì:

- Đang đi học;
- Đang làm công việc nội trợ trong gia đình;
- Người tàn tật không có khả năng lao động;
- Người già cả ốm yếu.

**3.3 Thực trạng lao động và việc làm nông thôn của nước ta hiện nay**

**3.3.1 Lực lượng lao động từ 15 tuổi trở lên phân theo nhóm tuổi năm 2012**

Việt Nam là một trong những nước kinh tế đang phát triển, quy mô dân số và mật độ dân cư tương đối lớn so với các nước trên thế giới và tốc độ phát triển nhanh, trong lúc đó việc mở rộng và phát triển kinh tế, giải quyết việc làm gặp nhiều hạn chế, như thiếu vốn sản xuất, lao động phân bổ chưa hợp lý, tài nguyên khác chưa được khai thác hợp lý... Càng làm cho chênh lệch giữa cung và cầu về lao động rất lớn, gây ra sức ép về vấn đề giải quyết việc làm trong toàn quốc.

Qua bảng số liệu ta thấy, nhóm tuổi có số lượng lao động cao nhất là nhóm từ 25-49 tuổi với số lượng lao động là 32,039 triệu người và chiếm với tỷ lệ là 60,9%. Kế đến là nhóm từ 50 tuổi trở lên có số lượng lao động là 12,581 triệu người với tỷ lệ là 23,9%. Nhóm tuổi có lực lượng lao động thấp nhất là nhóm tuổi từ 15-24 tuổi, chiếm tỷ lệ là 15,2%.

**Bảng 1: Lực lượng lao động từ 15 tuổi trở lên phân theo nhóm tuổi năm 2012**

	Tổng số	Nhóm tuổi		
		15 - 24	25 - 49	50+
Triệu người				
Số lượng lao động	52,581	7,963	32,038	12,581
Cơ cấu (%)				
Tỷ lệ %	100,0	15,2	60,9	23,9

Nguồn: tổng cục thống kê năm 2013

**3.3.2 Lực lượng lao động từ 15 tuổi trở lên phân theo địa phương năm 2012**

Qua Bảng 2 cho thấy lực lượng lao động từ 15 tuổi trở lên tại khu vực đồng bằng sông Hồng là 11,778 triệu người và chiếm với tỷ lệ là 22,4% so với cả nước. Khi đó khu vực Bắc Trung Bộ và duyên hải miền Trung với số lao động từ 15 tuổi trở lên là 11,360 triệu người và chiếm với tỷ lệ là

21,6%. Tây Nguyên là địa phương có lực lượng lao động từ 15 tuổi trở lên là thấp nhất, với số lượng lao động là 3,151 triệu người và chiếm tỷ lệ là 6,0%. Đồng bằng sông Cửu Long là địa phương có số lượng lao động trên 15 tuổi chiếm tỷ lệ là 19,8% (10,409 triệu người).

**Bảng 2: Lực lượng lao động từ 15 tuổi trở lên phân theo địa phương năm 2012**

	Đơn vị tính: %	
	Dân số (triệu người)	Tỷ lệ %
Cả nước	52,581	
Đồng bằng sông Hồng	11,778	22,4
Trung du và miền núi phía Bắc	7,241	13,8
Bắc Trung Bộ và duyên hải miền Trung	11,360	21,6
Tây Nguyên	3,151	6,0
Đông Nam Bộ	8,642	16,4
Đồng bằng sông Cửu Long	10,409	19,8

Nguồn: tổng cục thống kê năm 2013

**3.3.3 Tỷ lệ lao động từ 15 tuổi trở lên đang làm việc trong nền kinh tế đã qua đào tạo phân theo giới tính và thành thị, nông thôn**

Xã hội ngày càng phát triển với trình độ khoa học công nghệ hiện đại đòi hỏi phải có đội ngũ lao động có trình độ chuyên môn hoá cao, biết phát triển và hoàn thiện mình.

Qua Bảng 3 ta thấy, tỷ lệ lao động từ 15 tuổi trở lên đang làm việc trong nền kinh tế đã qua đào tạo phân theo giới Nam và Nữ qua các năm đều tăng. Đối với Nam năm 2011 tỷ lệ lao động từ 15 tuổi trở lên đang làm việc trong nền kinh tế đã qua đào tạo là 17,2% năm 2012 tỷ lệ lao động từ 15 tuổi trở lên đang làm việc trong nền kinh tế đã qua đào tạo tăng lên là 18,8%. Đối với lực lượng lao động Nữ, năm 2011 tỷ lệ lao động từ 15 tuổi trở lên đang làm việc trong nền kinh tế đã qua đào tạo là 13,5% đến năm 2012 thì tỷ lệ lao động từ 15 tuổi trở lên đang làm việc trong nền kinh tế đã qua đào tạo là 14,7%.

Ngoài ra, tỷ lệ lao động từ 15 tuổi trở lên đang làm việc trong nền kinh tế đã qua đào tạo phân theo thành thị, nông thôn. Ta thấy, khu vực nông thôn có tỷ lệ lao động từ 15 tuổi trở lên đang làm việc trong nền kinh tế đã qua đào tạo tăng cao qua các năm. Năm 2011 tỷ lệ là 9,0% sang năm 2012 tỷ lệ này tăng lên 17,5%. Đối với khu vực thành thị năm 2011 tỷ lệ lao động từ 15 tuổi trở lên đang làm việc trong nền kinh tế đã qua đào tạo là 30,9% sang năm 2012 tỷ lệ lao động từ 15 tuổi trở lên đang làm việc trong nền kinh tế đã qua đào tạo là 31,8%.



**Bảng 3: Tỷ lệ lao động từ 15 tuổi trở lên đang làm việc trong nền kinh tế đã qua đào tạo phân theo giới tính và thành thị, nông thôn**

*Đơn vị tính: %*

	Phân theo giới tính		Phân theo thành thị, nông thôn	
	Nam	Nữ	Thành thị	Nông thôn
Tỷ lệ lao động từ 15 tuổi trở lên				
2010	16,2	12,8	30,6	8,5
2011	17,2	13,5	30,9	9,0
2012	18,8	14,7	31,8	17,5

*Nguồn: Tổng cục thống kê năm 2013*

Điều này chứng minh vấn đề đào tạo việc làm của nước ta hiện nay ngày càng được quan tâm. Đồng thời, đào tạo việc làm ở nông thôn ngày càng được chú trọng như: mở các lớp đào tạo về may mặc, tin học, điện, cơ khí... được các sở, ban, ngành của địa phương tổ chức tại các vùng sâu vùng xa. Tạo điều kiện thuận lợi nhất để cho lực lượng lao động trong độ tuổi lao động có thể đến lớp tham gia các lớp tập huấn về vấn đề việc làm. Nhằm nâng cao kỹ năng tay nghề cũng như nâng cao trình độ chuyên môn cho người lao động.

**3.3.4 Tỷ lệ thiếu việc làm của lực lượng lao động trong độ tuổi phân theo vùng**

Mặc dù nền kinh tế Việt Nam đã đạt tốc độ tăng trưởng cao và tương đối ổn định trong những năm qua, góp phần thu hút và tạo ra công ăn việc làm hàng năm, song sức ép của tình trạng thiếu việc làm vẫn rất lớn do lao động chưa tìm được việc làm, bị sa thải hay mất việc làm, hết hạn hợp đồng hoặc những nguyên nhân khác.

Số liệu của Bảng 4 cho thấy tỷ lệ thiếu việc làm của cả nước qua các năm có xu hướng giảm, năm 2010 tỷ lệ thiếu việc làm là 1,52%, năm 2011 tỷ lệ thiếu việc làm là 1,58% đến năm 2012 tỷ lệ thiếu việc làm còn lại là 1,56%.

**Bảng 4: Tỷ lệ thiếu việc làm của lực lượng lao động trong độ tuổi phân theo vùng năm 2012**

*Đơn vị tính: %*

Năm	2010	2011	2012
<b>Cả nước</b>	1,82	1,58	1,56
Đồng bằng sông Hồng	1,58	1,46	1,09
Trung du và miền núi phía Bắc	1,97	1,42	1,30
Bắc Trung Bộ và duyên hải miền Trung	2,88	2,71	2,45
Tây Nguyên	3,37	2,25	2,66
Đông Nam Bộ	0,60	0,40	0,57
Đồng bằng sông Cửu Long	2,84	2,83	3,02

*Nguồn: tổng cục thống kê năm 2013*

Nhìn chung, tỷ lệ thiếu việc làm của lực lượng lao động trong độ tuổi lao động của các vùng, miền đều có xu hướng giảm qua các năm. Nhưng riêng đồng bằng sông Cửu Long, Tây Nguyên và Đông Nam Bộ thì ngược lại có xu hướng ngày càng tăng. Trong đó, đồng bằng sông Cửu Long tỷ lệ thiếu việc làm của lực lượng lao động năm 2011 là 2,83%, đến năm 2012 tỷ lệ thiếu việc trong độ tuổi lao động tăng lên là 3,02%.

Từ đó cho thấy, Việt Nam là quốc gia có nguồn lao động dồi dào. Cung cấp nguồn lao động đáng kể cho cả nước, đồng thời cung cấp nguồn lao động cho các quốc gia khác có nhu cầu về lực lượng lao động như: Nhật, Hàn Quốc, Malaysia...

Nhà nước cần tập trung tạo việc làm thông qua các chính sách, nguồn lực hỗ trợ, thực hiện các dự án về tín dụng việc làm với lãi suất ưu đãi, gắn dạy nghề với tạo việc làm. Cùng với đó là việc xây dựng và hoàn thiện hệ thống thông tin thị trường lao động nhằm phổ biến rộng rãi cho mọi đối tượng có nhu cầu, chuẩn hoá các trung tâm và các cơ sở giới thiệu việc làm. Một công việc quan trọng nữa là nâng cao chất lượng nguồn lao động cả về thể chất, kỹ năng tay nghề, học vấn, về trình độ chuyên môn, về ý thức kỷ luật, tác phong công nghiệp...

**3.3.5 Các nhân tố ảnh hưởng đến lao động việc làm ở nước ta hiện nay**

*Dân số và cơ cấu dân số*

Số lượng, tốc độ gia tăng và cơ cấu dân số có ảnh hưởng lớn tới nguồn lao động và vấn đề giải quyết việc làm của mỗi quốc gia. Dân số tăng nhanh dẫn tới việc phân bố dân cư không hợp lý, không gắn kết được lao động với các nguồn lực khác (đất đai, tài nguyên thiên nhiên, vốn...) khiến cho việc tạo việc làm mới càng khó khăn, thất nghiệp càng cao.

Dân số gia tăng sẽ buộc ngân sách Nhà nước nói chung, xã hội nói riêng phải giảm chi cho đầu tư phát triển, tăng chi cho tiêu dùng. Vì vậy, đầu tư cho phát triển nguồn nhân lực để nâng cao chất lượng nguồn lao động giảm xuống, cơ hội để tìm việc làm càng gặp khó khăn. Tình trạng di dân tự do từ nông thôn đổ ra đô thị để tìm việc làm kiếm sống gây ra sức ép khó khăn việc làm cho các đô thị, mặt khác, giảm tốc độ tăng dân số sẽ dẫn đến việc “già hoá” dân số, tỷ lệ người cao tuổi tăng lên và đòi hỏi các chi phí về bảo hiểm xã hội và an sinh xã hội tăng lên..., ảnh hưởng lớn tới cơ cấu và chất lượng của dân số.

Từ những thực tế trên đây, vấn đề đặt ra là cần hướng tới việc “Bảo tồn tính cân bằng, ổn định bên

trong của sự phát triển dân số” nhằm đạt được mục tiêu ổn định tỷ lệ sinh hợp lý, nâng cao chất lượng dân số, trên cơ sở đó mà phát triển nguồn lực lao động cả về số lượng và chất lượng, đáp ứng được nhu cầu đòi hỏi ngày càng cao của thị trường sức lao động.

#### *Tiến bộ khoa học - công nghệ*

Tiến bộ của khoa học - công nghệ (KH-CN) sẽ làm tăng yêu cầu việc làm cho lao động phức tạp, có kỹ thuật và ngược lại, làm giảm việc làm đối với lao động giản đơn. Quá trình phát triển của mỗi quốc gia ngày nay được cấu trúc lại dựa trên những lợi thế của nguồn lực con người với hàm lượng trí tuệ ngày một gia tăng. Nhờ có sự tiến bộ của khoa học công nghệ mà phân tỷ lệ lao động chân tay kết tinh vào sản phẩm ngày một giảm rõ rệt, hàm lượng lao động “chất xám” kết tinh vào sản phẩm ngày càng cao.

Như vậy, sự phát triển của KH - CN mang lại nhiều cơ hội tạo ra việc làm, nhưng cũng đặt ra nhiều thách thức. Xu hướng chung hiện nay là tăng lao động phức tạp, có kỹ thuật cao, giảm lao động giản đơn. Như vậy, vấn đề giải quyết việc làm của mỗi quốc gia phụ thuộc vào chất lượng nguồn lao động.

Ngày nay, KH - CN phát triển như vũ bão, là lực lượng trực tiếp tham gia vào quá trình sản xuất vật chất. Vì vậy, đòi hỏi người lao động có phẩm chất trí tuệ cao, có năng lực sáng tạo áp dụng những thành tựu của khoa học, công nghệ tiên tiến, khả năng biến tri thức của mình thành kỹ năng nghề nghiệp trình độ tay nghề thành thạo, chuyên môn nghiệp vụ giỏi, làm chủ được công nghệ, hoàn thành tốt công việc đảm nhiệm.

#### *Tài nguyên thiên nhiên*

Tài nguyên thiên nhiên là yếu tố cơ bản của quá trình sản xuất vì nó vừa là đối tượng lao động, vừa là tư liệu lao động, là cơ sở quan trọng hàng đầu của sản xuất vật chất, tạo ra việc làm cho người lao động.

Lịch sử phát triển cho thấy ở đâu có điều kiện tự nhiên thuận lợi, tài nguyên phong phú thì ở đó có điều kiện thuận lợi hơn đối với vấn đề giải quyết việc làm và cơ cấu việc làm ở những nơi này cũng phong phú đa dạng hơn so với những nơi khác.

Việt Nam có nguồn tài nguyên phong phú, đa dạng. Nhờ đó đã góp phần tạo ra nhiều việc làm cho người lao động, thúc đẩy kinh tế tăng trưởng, làm thay đổi mọi mặt đời sống kinh tế - xã hội trong những năm qua. Tuy nhiên, do tốc độ gia

tăng dân số trong quá khứ quá nhanh nên số người bước vào độ tuổi lao động ngày càng nhiều, tốc độ tạo việc làm không thể tăng kịp với tốc độ gia tăng của nguồn lao động; vì vậy, vấn đề đặt ra hiện nay đòi hỏi phải phát huy và khai thác có hiệu quả nguồn tài nguyên thiên nhiên cùng với các nguồn lực khác như lao động, vốn, công nghệ... để tạo ra nhiều việc làm mới cho người lao động, đảm bảo cho nền kinh tế tiếp tục phát triển nhanh và bền vững, đưa sự nghiệp đổi mới đất nước tiếp tục đi lên. Tuy vậy, có những quốc gia, thậm chí một địa phương nào đó của một quốc gia có nguồn tài nguyên nghèo nàn, khan hiếm như Nhật Bản mà vẫn tạo được nhiều việc làm cho người lao động. Bởi vì, họ đã xây dựng được chính sách và giải pháp về việc làm đúng đắn và khoa học.

#### *Xuất khẩu lao động*

Giải quyết việc làm giảm thiểu thất nghiệp trên thực tế là giải quyết mối quan hệ giữa cung và cầu về lao động trên thị trường sức lao động. Theo nghĩa đó, xuất khẩu lao động là hướng đi quan trọng vừa tăng nhu cầu lao động, giải quyết việc làm, tạo ra thu nhập cho người lao động, tăng thu nhập cho ngân sách nhà nước... Ở nước ta, công tác xuất khẩu lao động đã đạt được một số kết quả đáng kể, số lượng lao động xuất khẩu đã tăng dần hàng năm và đang có xu hướng gia tăng. Chúng ta đã mở ra nhiều thị trường mới có thu nhập tương đối cao như: Nhật Bản, Hàn Quốc,...

Tuy nhiên, công tác xuất khẩu lao động cũng còn nhiều hạn chế, kết quả xuất khẩu lao động chưa tương xứng với tiềm năng lao động và nhu cầu của đất nước, sức ép về lao động, việc làm vẫn hết sức bức bách. Trong thời gian tới, chúng ta phải đẩy mạnh hơn nữa công tác xuất khẩu lao động, phát triển và mở rộng hơn nữa thị trường lao động để giải quyết được số lao động dư thừa hiện có, tạo ra nhiều việc làm mới cho người lao động, đáp ứng nguyện vọng chính đáng và yêu cầu bức xúc của nhân dân.

#### *Chính sách giải quyết việc làm của Đảng và Nhà nước*

Để giải quyết việc làm, vấn đề quan trọng hàng đầu là Nhà nước phải tạo ra các điều kiện thuận lợi để người lao động có thể tự tạo việc làm thông qua những chính sách KT - XH cụ thể. Các chính sách tác động đến việc làm có nhiều loại, có loại tác động trực tiếp, có loại tác động gián tiếp tạo thành một hệ thống chính sách hoàn chỉnh, đồng bộ có quan hệ tác động qua lại, bổ sung cho nhau hướng vào phát triển cả cung lẫn cầu về lao động; đồng

thời làm cho cung và cầu về lao động xích lại gần nhau, phù hợp với nhau thực chất là tạo ra sự phù hợp giữa cơ cấu lao động với cơ cấu kinh tế. Chính sách giải quyết việc làm rất đa dạng, trong đó các chính sách chủ yếu thường được đề cập đến là chính sách đất đai, chính sách giáo dục và đào tạo, chính sách công nghiệp, chính sách phát triển nghề truyền thống... Ngoài ra còn các nhân tố khác ảnh hưởng đến vấn đề giải quyết việc làm như: trình độ kỹ năng, phẩm chất, tính kỷ luật lao động, sức khỏe, thể chất... của người lao động. Phong tục, tập quán, thói quen, trình độ dân trí, ý thức chấp hành pháp luật, trình độ văn minh của xã hội...

Ở nước ta, do điều kiện kinh tế - xã hội ở nông thôn còn nhiều khó khăn, nhiều phong tục tập quán của người dân chưa đáp ứng theo nhu cầu phát triển hiện nay, nhất là người dân tộc thiểu số, tôn giáo ở vùng sâu, vùng xa đang là những lực cản rất lớn trong vấn đề việc làm và giải quyết việc làm. Như vậy, muốn giải quyết tốt việc làm cho thanh niên nông thôn phải chú trọng phát triển mặt tích cực của các nhân tố ảnh hưởng đến việc làm và chất lượng lao động, mặt khác, phải có những biện pháp tích cực nhằm triệt tiêu những mặt tiêu cực của các nhân tố đó.

### 3.3.6 Một số định hướng cơ bản giải quyết vấn đề lao động và việc làm nông thôn ở nước ta hiện nay

– Chuyển dịch mạnh cơ cấu kinh tế theo hướng CNH, HĐH nông nghiệp, nông thôn và mở rộng quan hệ kinh tế, đối ngoại nhằm tận dụng tối đa lợi thế so sánh và nguồn lực đầu tư cho nông nghiệp, nông thôn, trong đó đặc biệt chú ý đến các vùng kinh tế trọng điểm, vùng kinh tế tiềm năng.

– Tập trung sắp xếp lại sản xuất nông nghiệp, nông thôn theo hướng chuyên môn hoá, chuyên canh theo vùng kinh tế để khai thác tiềm năng và nâng cao năng suất lao động, hiệu quả kinh tế.

– Tập trung phát triển giáo dục - đào tạo, đặc biệt là công tác dạy nghề, bồi dưỡng kiến thức cho người lao động nhằm từng bước tri thức hoá giai cấp nông dân, trước hết là lực lượng lao động trẻ ở nông thôn.

– Chú trọng đầu tư phát triển cơ sở hạ tầng nhất là hạ tầng giao thông nông thôn; từng bước hoàn thiện đồng bộ cơ sở hạ tầng nông thôn theo hướng kiên cố hoá.

– Thực hiện tốt các chương trình quốc gia về việc làm và giải quyết việc làm cho thanh niên, trong đó cần chú trọng và tập trung đầu tư cho

công tác dạy nghề hướng nghiệp và hỗ trợ vấn đề thanh niên lập nghiệp...

– Từng bước xây dựng và hoàn thiện đồng bộ các loại thị trường nhất là ở nông nghiệp, nông thôn.

### 3.3.7 Các biện pháp giải quyết việc làm cho lao động nông thôn của nước ta hiện nay

#### a. Hoàn thiện và xác định cơ cấu sản xuất các ngành nghề trong cả nước

##### Phát triển sản xuất nông nghiệp

Hiện nay theo số liệu cho thấy diện tích đất nông nghiệp đã bị giảm đáng kể vì vậy cần có những biện pháp thay đổi cơ cấu kinh tế nông nghiệp nông thôn, tăng cường đầu tư vào ngành sản xuất nông nghiệp.

Tập trung vào việc xây dựng kết cấu hạ tầng nông thôn, khuyến lâm, khuyến ngư, nước sạch cho sinh hoạt, phát triển hệ thống điện và bưu chính viễn thông, hệ thống y tế, giáo dục, văn hóa ở nông thôn.

##### Phát triển công nghiệp – xây dựng

Huyện cần xác định rõ quy mô sản xuất tối ưu cho từng ngành Công nghiệp. Bên cạnh đó, tập trung đầu tư cơ sở hạ tầng (đường giao thông, đường điện, hệ thống cấp thoát nước, hệ thống thông tin liên lạc), thu hút đầu tư vào du lịch, dịch vụ thôn. Xây dựng các cụm, điểm công nghiệp tại các xã, thị trấn, vùng sâu vùng xa. Khuyến khích công nghiệp có sử dụng lao động.

##### Phát triển thương mại - dịch vụ - du lịch

Tiến hành qui hoạch mạng lưới chợ nông thôn, đa dạng hóa các dạng phẩm, hàng hóa tạo điều kiện thuận lợi cho mọi thành phần kinh tế tham gia các hoạt động dịch vụ - thương mại. Tăng cường hoạt động tổ chức hội chợ, các hoạt động lễ hội văn hóa nhằm quảng bá du lịch và tăng cường giao lưu thương mại với các vùng miền trong cả nước.

#### b. Phân bổ sử dụng lao động tại nông thôn một cách hợp lý

Một đất nước có nền kinh tế phát triển trước hết các cơ quan chức năng cần có những chủ trương và chính sách thật sự hiệu quả và phù hợp với điều kiện của đất nước đang có. Một nguồn lao động dồi dào và có chất lượng cao nhưng không được phân bổ vào các ngành nghề một cách hợp lý thì hiệu quả sử dụng cũng không cao vì thế cần có những biện pháp chính sách để hướng và phân bổ số lượng lao động trong các thành phần, ngành nghề kinh tế một cách hợp lý để đạt được kết quả cao

trong việc sử dụng lao động. Cần phân bổ lao động cho phù hợp vào các ngành nghề kinh tế trong nước tránh tình trạng thiếu việc làm ở thành phần ngành nghề kinh tế này, dư thừa lao động ở ngành nghề kinh tế khác trong cả nước.

Cần có những biện pháp di chuyển lao động và hướng cho người lao động theo chính sách và tốc độ phát triển kinh tế xã hội của đất nước hiện nay. Có những chính sách ưu đãi cho những lao động di chuyển đến nơi làm việc mới, thu hút lao động tham gia vào nhiều thành phần kinh tế khác nhau mang lại hiệu quả lao động cao.

*c. Nâng cao tay nghề trình độ lao động*

Hiện nay trình độ lao động ở nông thôn còn khá thấp, tỷ lệ mù chữ còn khá cao. Điều này ảnh hưởng rất lớn đến quá trình chuyển dịch cơ cấu kinh tế, ảnh hưởng đến việc tiếp cận thông tin việc làm, chính sách... ảnh hưởng tới sự phát triển kinh tế của cả toàn xã hội. Do đó, người lao động nói chung và người lao động vùng nông thôn nói riêng cần tự trau dồi kiến thức văn hóa và kỹ năng chuyên môn, kiến thức sản xuất, tăng cường học hỏi lẫn nhau, học hỏi qua báo đài.

*d. Mở rộng các ngành nghề sản xuất – dịch vụ nông thôn*

Hiện nay cần có nhiều chính sách khuyến khích các hộ ngành nghề đầu tư mở rộng phát triển sản xuất sang những lĩnh vực phù hợp với điều kiện của đất nước. Trong đó, cần cung cấp đầy đủ những thông tin về chính sách, tiến hành tư vấn thực hiện cho người dân.

Qua đây các cấp lãnh đạo cần nâng cao trình độ cho đội ngũ cán bộ làm công tác tư vấn, như cán bộ khuyến nông, khuyến lâm: Cử cán bộ đi tập huấn và có những đợt kiểm tra thực tế đối với những cán bộ này.

Hướng dẫn, tạo điều kiện cho người lao động không có việc làm lập các dự án nhỏ vay vốn ưu đãi với lãi suất thấp để phát triển sản xuất tạo việc làm ổn định cho người dân nông thôn. Đồng thời cũng ưu tiên tạo điều kiện cho các Doanh nghiệp tư nhân, các cơ sở sản xuất có điều kiện và khả năng tạo được nhiều việc làm được vay vốn ưu đãi mở rộng sản xuất thu hút nhiều lao động.

*e. Hoàn thiện công tác đào tạo nghề tại các địa phương*

Các địa phương cần xúc tiến phối hợp với các cơ sở dạy nghề của các tỉnh, tiến tới thành lập trung tâm dạy nghề phù hợp trên các địa bàn để dạy nghề cho lao động dưới nhiều hình thức, nâng

cao chất lượng lao động đáp ứng nhu cầu của thị trường lao động, đặc biệt là chú trọng đến những đối tượng chưa có việc làm, thiếu việc làm.

Đào tạo nghề nâng cao chất lượng lao động để người lao động có cơ hội lựa chọn ngành nghề, công việc đáp ứng yêu cầu sự nghiệp công nghiệp hóa hiện đại hóa đất nước. Tăng cường tư vấn, tuyên truyền phổ biến và tạo điều kiện để lao động là người nghèo tích cực tham gia xuất khẩu sang các nước, phấn đấu mỗi năm một tăng số lượng tham gia xuất khẩu lao động.

Tư vấn tạo điều kiện, vốn, vật tư kỹ thuật để các hộ thiếu đất sản xuất chuyển đổi sang phát triển ngành nghề tiểu thủ công nghiệp và các hoạt động kinh doanh dịch vụ khác. Bên cạnh đó đào tạo cần gắn liền với phát triển việc làm và đảm bảo lao động sau khi được đào tạo có việc làm và thu nhập ổn định.

*f. Tạo điều kiện cho mọi thành phần kinh tế phát triển*

Khuyến khích hình thành các doanh nghiệp, các cơ sở sản xuất vừa và nhỏ của tư nhân để khai thác tốt các tiềm năng mà các địa phương hiện có trên mọi lĩnh vực ngành nghề dân dụng, cơ khí gò hàn, chế biến nông lâm thủy hải sản...

Khuyến khích thu hút mạnh các doanh nghiệp vừa và nhỏ, kinh tế hộ gia đình trong nông nghiệp, nông thôn bỏ vốn đầu tư, các ngân hàng và tổ chức tín dụng cung ứng vốn và đầu tư phát triển sản xuất ở địa bàn nông thôn trong cả nước. Thực hiện các chính sách đặc biệt để hỗ trợ phát triển cơ sở hạ tầng giao thông nông thôn có nhiều khó khăn và vùng đồng bào dân tộc thiểu số.

**4 KẾT LUẬN**

Lao động là một tế bào quan trọng của xã hội, lao động dư thừa và thiếu việc làm diễn ra khá phổ biến không chỉ ở các vùng nông thôn mà còn diễn ra tại các vùng kinh tế trong cả nước và đối với tất cả các nước trên thế giới đây cũng là vấn đề nan giải.

Lĩnh vực lao động - việc làm những năm qua có nhiều đổi mới và thu hút được những kết quả bước đầu đáng khích lệ. Nhận thức về việc làm, hiểu biết về việc làm và cách giải quyết việc làm cũng như tâm lý về việc làm của người lao động, của xã hội đã được thay đổi tích cực. Tạo và giải quyết việc làm cho lao động xã hội không chỉ là trách nhiệm của Nhà nước mà là trách nhiệm của các cấp, các ngành, các tổ chức, các gia đình bản thân người lao động và của toàn xã hội.



Quan điểm nhân dân tự tạo ra việc làm là chính. Nhà nước tạo ra môi trường kinh tế, pháp luật thuận lợi và hỗ trợ một phần nguồn lực để nhân dân tự tạo việc làm đã thấm nhuần trong cuộc sống và trở thành nội lực thúc đẩy sự nghiệp tạo và giải quyết việc làm. Những năm qua, Đảng và Nhà nước đã đề ra một loại chính sách chương trình phát triển kinh tế xã hội. Trong đó có nhiều chính sách, chương trình tác động trực tiếp đến việc tạo và giải quyết việc làm cho lao động xã hội.

Phương hướng quan trọng nhất để giải quyết việc làm thời kỳ này là Nhà nước cùng toàn dân ra sức đầu tư phát triển, thực hiện tốt kế hoạch và các chương trình kinh tế - xã hội. Khuyến khích mọi thành phần kinh tế, mọi công dân, mọi nhà đầu tư mở mang ngành nghề, tạo nhiều việc làm cho người lao động.

Phát triển dịch vụ việc làm. Tiếp tục phân bố lại dân cư và lao động trên địa bàn cả nước, tăng dân cư trên các địa bàn có tính chất chiến lược và kinh tế, an ninh quốc phòng. Mở rộng kinh tế đối ngoại, đẩy mạnh xuất khẩu lao động. Giảm đáng kể tỷ lệ thất nghiệp ở thành thị và thiếu việc làm ở nông thôn.

Đất nước ta đang trông chờ vào thế hệ trẻ, đặc biệt là cán bộ quản lý kinh tế trong tương lai, là một sinh viên khoa kinh tế tôi nhận thức được điều này. Phải luôn trau dồi kiến thức, tận dụng thời gian và nâng cao năng lực để theo kịp với sự tiến triển của nền kinh tế đất nước đang trong thời kỳ đổi mới, một thế giới mới, thế giới của sự văn minh, giàu có và công bằng.

Nhận thức được vị trí, vai trò của vấn đề giải quyết việc làm, trong những năm qua của Việt Nam đã có nhiều chủ trương, chính sách để giải quyết việc làm cho người lao động. Tuy nhiên, vấn đề giải quyết việc làm cho người lao động còn nhiều tồn tại. Để nhanh chóng giảm được sức ép về

lao động và việc làm cho người lao động ở nông thôn trước hết cần tập trung thực hiện tốt một số giải pháp sau:

- Tổ chức tốt công tác đào tạo, nâng cao năng lực cho cán bộ hiện thực chương trình giải quyết việc làm các cấp.
- Đẩy nhanh tốc độ chuyển dịch cơ cấu kinh tế từ nông nghiệp sang công nghiệp, dịch vụ.
- Hỗ trợ trực tiếp cho lao động thất nghiệp và thiếu việc làm thông qua các chính sách như hỗ trợ về vay vốn, hỗ trợ đào tạo nghề,...
- Làm tốt công tác hướng nghiệp và giới thiệu việc làm để người lao động có cơ hội tìm việc làm có mức thu nhập cao hơn.
- Chính quyền địa phương cần coi trọng vấn đề giải quyết việc làm cho lao động nông thôn vì đây là vấn đề trọng tâm trong quá trình phát triển kinh tế xã hội.

#### TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Đặng Nguyên Anh. 2010. Vấn đề lao động- việc làm và phát triển nguồn nhân lực ở nông thôn hiện nay. Tạp chí Lao động Xã hội, số 4/2010: p 24-32.
2. Lê Doãn Khải. 1999. Phát triển dạy nghề cho thanh niên nông thôn nhằm công nghiệp hoá, hiện đại hoá nông nghiệp nông thôn. Tạp chí Lao động Xã hội số 3/1999.
3. Nguyễn Văn Hội. 2000. Chuyển dịch cơ cấu kinh tế, cơ cấu lao động và phát triển ngành nghề ở nông thôn. Tạp chí Lao động Xã hội, số 8/2000: p. 2-4.
4. Tổng cục thống kê. 2013. Báo cáo kết quả điều tra lao động - việc làm năm 2012.
5. Trần Văn Luận. 2005. *Sử dụng nguồn lao động ở nông thôn hiện nay*. Tạp chí Kinh tế Dự báo số 3/2005: p. 45-52.